

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC GENERIC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên hoạt chất	Đường dùng, Dạng dùng
1	Acarbose	Uống
2	Aceclofenac	Uống
3	Acenocoumarol	Uống
4	Acetazolamid	Uống
5	Acetyl leucin	Uống, Tiêm
6	Acetylcystein	Uống, Tiêm
7	Acetylsalicylic acid	Uống
8	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	Uống
9	Aciclovir	Uống, Tra mắt, Dùng ngoài
10	Acid amin	Tiêm truyền
11	Acid amin + glucose + điện giải	Tiêm truyền
12	Acid amin + glucose + lipid	Tiêm truyền
13	Acid ascorbic (Vitamin C)	Uống, Tiêm
14	Acid folic (Vitamin B9)	Uống
15	Acid ursodeoxycholic; Thiamin nitrat; Riboflavin	Uống
16	Acitretin	Uống
17	Adapalen	Dùng ngoài
18	Adenosin	Tiêm
19	Adrenalin (Epinephrin)	Tiêm
20	Albendazol	Uống
21	Albumin	Tiêm
22	Alfuzosin	Uống
23	Alimemazin	Uống
24	Allopurinol	Uống
25	Alpha chymotrypsin	Uống, Tiêm
26	Aluminum phosphat	Uống
27	Alverin	Uống
28	Alverin + simethicon	Uống
29	Ambroxol	Uống
30	Amikacin	Tiêm
31	Aminophylin	Tiêm
32	Amiodaron hydroclorid	Tiêm, Uống
33	Amitriptylin hydroclorid	Uống
34	Amlodipin	Uống
35	Amlodipin + Atorvastatin	Uống
36	Amlodipin + indapamid	Uống
37	Amlodipin + indapamid + perindopril	Uống
38	Amlodipin + lisinopril	Uống
39	Amlodipin + Losartan	Uống
40	Amlodipin + Perindopril	Uống

41	Amlodipin + Telmisartan	Uống
42	Amlodipin + Valsartan	Uống
43	Amlodipin + valsartan + hydrochlorothiazid	Uống
44	Amoxicilin	Uống
45	Amoxicilin + Acid clavulanic	Tiêm, Uống
46	Ampicilin (muối natri)	Tiêm
47	Ampicilin + sulbactam	Tiêm
48	Amphotericin B	Tiêm
49	Amylase + lipase + protease	Uống
50	Apixaban	Uống
51	Atenolol	Uống
52	Atorvastatin	Uống
53	Atorvastatin + Ezetimibe	Uống
54	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	Uống
55	Atracurium	Tiêm
56	Atropin sulfat	Tiêm, Nhỏ mắt
57	Azithromycin	Tiêm, Uống
58	Bacillus clausii	Uống
59	Bacillus subtilis	Uống
60	Baclofen	Uống
61	Bambuterol	Uống
62	Beclometason dipropionat	Xịt mũi, xịt họng, dùng ngoài
63	Bedaquiline	Uống
64	Benzylopenicilin	Tiêm
65	Berberin	Uống
66	Betahistin	Uống
67	Betamethason	Dùng ngoài
68	Bezafibrat	Uống
69	Bilastine	Uống
70	Bisacodyl	Uống
71	Bismuth	Uống
72	Bisoprolol	Uống
73	Bisoprolol + hydrochlorothiazid	Uống
74	Brinzolamid + timolol	Nhỏ mắt
75	Bromhexin hydroclorid	Uống
76	Budesonid	Xịt mũi, xịt họng, đường hô hấp
77	Budesonid + formoterol	Hít
78	Bupivacain hydroclorid	Tiêm
79	Cafein citrat	Tiêm
80	Calci acetat	Uống
81	Calci carbonat	Uống
82	Calci carbonat + calci gluconolactat	Uống
83	Calci carbonat + vitamin D3	Uống
84	Calci clorid	Tiêm
85	Calci glubionat	Tiêm
86	Calci glucoheptonate + vitamin D3	Uống

87	Calci gluconat	Tiêm
88	Calci glycerophosphat + magnesi gluconat	Uống
89	Calci lactat	Uống
90	Calcipotriol	Dùng ngoài
91	Calcitonin	Tiêm
92	Calcitriol	Uống
93	Candesartan	Uống
94	Candesartan + Hydrochlorothiazid	Uống
95	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	Uống
96	Capsaicin	Dùng ngoài
97	Captopril	Uống
98	Captopril + hydrochlorothiazid	Uống
99	Carbamazepin	Uống
100	Carbazochrom	Tiêm, uống
101	Carbetocin	Tiêm
102	Carbimazol	Uống
103	Carbocistein	Uống
104	Carbocistein + promethazin	uống
105	Carvedilol	Uống
106	Cefaclor	Uống
107	Cefadroxil	Uống
108	Cefalexin	Uống
109	Cefalothin	Tiêm
110	Cefamandol	Tiêm
111	Cefazolin	Tiêm
112	Cefdinir	Uống
113	Cefepim	Tiêm
114	Cefetazidim	Tiêm
115	Cefixim	Uống
116	Cefmetazol	Tiêm
117	Cefoperazon	Tiêm
118	Cefoperazon + sulbactam	Tiêm
119	Cefotaxim	Tiêm
120	Cefotiam	Tiêm
121	Cefoxitin	Tiêm
122	Cefpirom	Tiêm
123	Cefpodoxim	Uống
124	Cefradin	Uống
125	Ceftazidim	Tiêm
126	Ceftizoxim	Tiêm
127	Ceftriaxon	Tiêm
128	Cefuroxim	Tiêm, uống
129	Celecoxib	uống
130	Cetirizin	Uống
131	Cilostazol	Uống
132	Cimetidin	Uống

133	Cinnarizin	Uống
134	Ciprofibrat	Uống
135	Ciprofloxacin	Tiêm, tiêm truyền, nhỏ mắt, nhỏ tai, uống
136	Citalopram	Uống
137	Citicolin	Tiêm
138	Clarithromycin	Uống
139	Clindamycin	Tiêm, uống
140	Clobetasol	Dùng ngoài
141	Clofazimine	Uống
142	Clopidogrel	Uống
143	Cloramphenicol	Thuốc nhỏ mắt
144	Clorpromazin	Tiêm, uống
145	Clotrimazol	Đặt âm đạo, dùng ngoài
146	Clotrimazol + betamethason	Dùng ngoài
147	Cloxacilin	Tiêm, uống
148	Clozapin	Uống
149	Codein + terpin hydrat	Uống
150	Colchicin	Uống
151	Colistin	Tiêm
152	Cồn 70°	Dùng ngoài
153	Cồn Boric	Dùng ngoài
154	Cồn BSI	Dùng ngoài
155	Crotaminton	Dùng ngoài
156	Cycloserin	Uống
157	Chlorpheniramin	Uống
158	Chlorpheniramin + dextromethorphan	Uống
159	Dầu đậu nành; Glycerol; Phospholipid từ trứng	Tiêm truyền
160	Deferoxamin	Tiêm
161	Delamanid	Uống
162	Desfluran	Hít
163	Desloratadin	Uống
164	Dexamethason	Tiêm, uống
165	Dexchlorpheniramin	Uống
166	Dexibuprofen	Uống
167	Dexpanthenol	Dùng ngoài
168	Dextran 40	Tiêm truyền
169	Dextran 40 + Natri clorid	Tiêm truyền
170	Dextromethorphan	Uống
171	Diacerein	Uống
172	Diazepam	Tiêm, uống
173	Diclofenac	Đặt hậu môn, dùng ngoài, tiêm, uống
174	Diethylphtalat	Dùng ngoài
175	Digoxin	Tiêm, uống
176	Dihydro ergotamin mesylat	Uống
177	Diltiazem	Uống

178	Dioctahedral smectit	Uống
179	Diosmectit	Uống
180	Diosmin	Uống
181	Diosmin + hesperidin	Uống
182	Diphenhydramin	Tiêm
183	Dobutamin	Tiêm
184	Docusate natri	Uống
185	Domperidon	Uống
186	Donepezil	Uống
187	Dopamin hydroclorid	Tiêm
188	Doxazosin	Uống
189	Doxycyclin	Uống
190	Drotaverin	Uống, tiêm
191	Dutasterid	Uống
192	Dydrogesteron	Uống
193	Đồng sulfat	Dùng ngoài
194	Ebastin	Uống
195	Econazol	Đặt âm đạo
196	Enalapril	Uống
197	Enalapril + Hydrochlorothiazid	Uống
198	Enoxaparin	Tiêm
199	Entecavir	Uống
200	Eperison	Uống
201	Erythromycin	Dùng ngoài, uống
202	Erythropoietin	Tiêm
203	Esomeprazol	Tiêm, uống
204	Estriol	Đặt âm đạo
205	Etamsylat	Tiêm, uống
206	Etifoxin clohydrat	Uống
207	Etodolac	Uống
208	Etomidat	Tiêm
209	Etoricoxib	Uống
210	Ethambutol	Uống
211	Ezetimib + Simvastatin	Uống
212	Ezetimibe	Uống
213	Famotidin	Tiêm, uống
214	Felodipin	Uống
215	Fenofibrat	Uống
216	Fenoterol + ipratropium	Khí dung, xịt mũi, xịt họng
217	Fentanyl	Tiêm
218	Fexofenadin	Uống
219	Flavoxat	Uống
220	Floctafenin	Uống
221	Fluconazol	Uống
222	Flunarizin	Uống
223	Fluocinolon acetonid	Dùng ngoài
224	Fluorometholon	Nhỏ mắt

225	Fluoxetin	Uống
226	Flurbiprofen	Dùng ngoài
227	Fluticason	Khí dung, xịt mũi, dùng ngoài
228	Fluvastatin	Uống
229	Fluvoxamin	Uống
230	Furosemid	Tiêm, uống
231	Furosemid + spironolacton	Uống
232	Fusidic acid	Dùng ngoài
233	Fusidic acid + Betamethason	Dùng ngoài
234	Fusidic acid + Hydrocortison	Dùng ngoài
235	Gabapentin	Uống
236	Gadobenic acid	Tiêm
237	Gadoteric acid	Tiêm
238	Gelatin succinyl + natri clorid + natri hydroxyd	Tiêm truyền
239	Gemfibrozil	Uống
240	Gentamicin	Tiêm, nhỏ mắt, dùng ngoài
241	Glibenclamid	Uống
242	Glibenclamid + Metformin	Uống
243	Gliclazid	Uống
244	Gliclazid + Metformin	Uống
245	Glimepirid	Uống
246	Glimepirid + metformin	Uống
247	Glipizid	Uống
248	Glucosamin	Uống
249	Glucose	Tiêm truyền
250	Glucose khan + Natri clorid + Kali clorid + natri citrat	Uống
251	Glycerin	Nhỏ mắt
252	Glycerol	Thụt hậu môn/Trực tràng
253	Glyceryl trinitrat (nitroglycerin)	Tiêm, phun mũi, đặt dưới lưỡi
254	Griseofulvin	Uống
255	Ginkgo biloba	Uống
256	Haloperidol	Tiêm, uống
257	Halothan	Đường hô hấp
258	Heparin (natri)	Tiêm
259	Heptaminol hydroclorid	Uống
260	Huyết thanh kháng đại	Tiêm
261	Huyết thanh kháng nọc rắn	Tiêm
262	Huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất	Tiêm
263	Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre	Tiêm
264	Huyết thanh kháng uốn ván	Tiêm
265	Hydrochlorothiazid	Uống
266	Hydrocortison	Dùng ngoài, tiêm, uống
267	Hydroxypropylmethylcellulose	Nhỏ mắt
268	Hyoscin butylbromid	Tiêm, uống
269	Ibuprofen	Uống

270	Ibuprofen + codein	Uống
271	Imidapril	Uống
272	Imipenem + cilastatin	Tiêm
273	Indapamid	Uống
274	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Tiêm
275	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn	Tiêm
276	Insulin analog trộn, hỗn hợp	Tiêm
277	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	Tiêm
278	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	Tiêm
279	Insulin người trộn, hỗn hợp	Tiêm
280	Iopamidol	Tiêm
281	Iopromid acid	Tiêm
282	Irbesartan	Uống
283	Irbesartan + Hydrochlorothiazid	Uống
284	Isofluran	Đường hô hấp
285	Isoniazid	Uống
286	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Uống
287	Isotretinoin	Uống
288	Itraconazol	Uống
289	Ivabradin	Uống
290	Ivermectin	Uống
291	Kali clorid	Tiêm, uống
292	Kali iodid + Natri iodid	Nhỏ mắt
293	Kẽm gluconat	Uống
294	Kẽm oxid	Dùng ngoài
295	Kẽm sulfat	Uống
296	Ketamin	Tiêm
297	Ketoconazol	Dùng ngoài, uống
298	Ketoprofen	Dùng ngoài, uống
299	Ketorolac	Tiêm, nhỏ mắt, uống
300	Ketotifen	nhỏ mắt, uống
301	Lacidipin	Uống
302	Lactobacillus acidophilus	Uống
303	Lactulose	Uống
304	Lamivudin	Uống
305	Lamotrigine	Uống
306	Lansoprazol	Uống
307	Lercanidipin hydroclorid	Uống
308	Levetiracetam	Uống
309	Levobupivacain	Tiêm
310	Levocetirizin	Uống
311	Levodopa + benserazid	Uống
312	Levodopa + carbidopa	Uống
313	Levofloxacin	Tiêm, nhỏ mắt, uống
314	Levomepromazin	Uống
315	Levosulpirid	Uống

316	Levothyroxin (muối natri)	Uống
317	Lidocain hydroclodrid	Tiêm, dùng ngoài, phun mù
318	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	Tiêm
319	Linagliptin	Uống
320	Linezolid	Tiêm, uống
321	Lisinopril	Uống
322	Lisinopril + hydrochlorothiazid	Uống
323	Indacaterol+ glycopyrronium	Đường hô hấp
324	L-Omithin - L- aspartat	Tiêm, uống
325	Loperamid	Uống
326	Loratadin	Uống
327	Losartan	Uống
328	Losartan + hydrochlorothiazid	Uống
329	Lovastatin	Uống
330	Loxoprofen	Uống
331	Lynestrenol	Uống
332	Lysin + Vitamin + Khoáng chất	Uống
333	Macrogol	Uống
334	Macrogol + Natri sulfat + Natri bicarbonat + Natri clorid + Kali clorid	Uống
335	Magnesi aspartat + kali aspartat	Uống
336	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Uống
337	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Uống
338	Magnesi sulfat	Tiêm truyền
339	Magnesi trisilicat + nhôm hydroxyd	Uống
340	Manitol	Tiêm truyền
341	Mebendazol	Uống
342	Mebeverin hydroclorid	Uống
343	Mecobalamin	Tiêm, uống
344	Meloxicam	Tiêm, Uống
345	Mequitazin	Uống
346	Meropenem	Tiêm
347	Mesalazin/ mesalamin	Uống
348	Metformin	Uống
349	Metoclopramid	Tiêm, Uống
350	Metoprolol	Uống
351	Methadone	Uống
352	Methocarbamol	Uống
353	Methyl ergometrin maleat	Tiêm
354	Methyl prednisolon	Tiêm, Uống
355	Methyldopa	Uống
356	Metronidazol	Tiêm, uống, dùng ngoài
357	Metronidazol + Neomycin + Nystatin	Đặt âm đạo
358	Miconazol	Dùng ngoài
359	Midazolam	Tiêm

360	Minocyclin	Uống
361	Mirtazapin	Uống
362	Misoprostol	Uống
363	Mometason	Xịt mũi
364	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	Thụt hậu môn/trực tràng
365	Morphin	Tiêm, uống
366	Moxifloxacin	Tiêm, Uống, Nhỏ mắt
367	Moxifloxacin + dexamethason	Nhỏ mắt
368	Mupirocin	Dùng ngoài
369	Nalidixic acid	Uống
370	Naloxon hydroclorid	Tiêm
371	Naproxen	Uống
372	Naproxen + esomeprazol	Uống
373	Naphazolin	Nhỏ mũi
374	Natri carboxymethylcellulose (Na CMC)	Nhỏ mắt
375	Natri carboxymethylcellulose + glycerin	Nhỏ mắt
376	Natri Clorid	Tiêm, Tiêm truyền, Dùng ngoài, Nhỏ mắt, Nhỏ mũi
377	Natri clorid + dextrose/glucose	Tiêm truyền
378	Natri clorid + kali clorid + monobasic kali phosphat + natri acetat + magnesi sulfat + kẽm sulfat + dextrose	Tiêm truyền
379	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan + kẽm	Uống
380	Natri hydrocarbonat	Tiêm
381	Natri montelukast	Uống
382	Nebivolol	Uống
383	Nefopam	Tiêm
384	Neomycin (sulfat)	Nhỏ mắt
385	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Nhỏ mắt, nhỏ tai
386	Neostigmin metylsulfat	Tiêm
387	Nicardipin	Tiêm
388	Nicorandil	Uống
389	Nifedipin	Uống
390	Nimodipin	Uống
391	Nizatidin	Uống
392	Nor-epinephrin/ Nor- adrenalin	Tiêm
393	Nước cất pha tiêm	Tiêm
394	Nước oxy già	Dùng ngoài
395	Nystatin	Uống, bột đánh tưa lưỡi
396	Nystatin + neomycin + polymyxin B	Đặt âm đạo
397	Nhũ dịch lipid	Tiêm truyền
398	Octreotid	Tiêm
399	Ofloxacin	Tiêm, Uống, nhỏ mắt, nhỏ tai
400	Olanzapin	Uống
401	Olopatadin	Nhỏ mắt

402	Omeprazol	Tiêm, Uống
403	Ondansetron	Tiêm
404	Oxacilin	Tiêm, Uống
405	Oxcarbazepin	Uống
406	Oxytocin	Tiêm
407	Pantoprazol	Tiêm, uống
408	Papaverin hydroclorid	Uống, tiêm
409	Paracetamol	Uống, đặt hậu môn, tiêm
410	Paracetamol + codein	Uống
411	Paracetamol + chlorpheniramin	Uống
412	Paracetamol + chlorpheniramin + dextromethorphan	Uống
413	Paracetamol + chlorpheniramin + phenylephrin	Uống
414	Paracetamol + Dextromethorphan HBr + Phenylephrin hydroclorid	Uống
415	Paracetamol + diphenhydramin + phenylephrin	Uống
416	Paracetamol + ibuprofen	Uống
417	Paracetamol + methocarbamol	Uống
418	Paracetamol + Phenylephrin	Uống
419	Paracetamol + tramadol	Uống
420	PAS- Na	Uống
421	Pefloxacin	Tiêm
422	Penicilin V	Uống
423	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	Tiêm
424	Perindopril	Uống
425	Perindopril + indapamid	Uống
426	Permethrin	Dùng ngoài
427	Pethidin hydroclorid	Tiêm
428	Pinene + camphene + cineol + fenchone + borneol + anethol	Uống
429	Pipecuronium	Tiêm
430	Piperacilin	Tiêm
431	Piperacilin + tazobactam	Tiêm
432	Piracetam	Tiêm, uống
433	Piroxicam	Tiêm, uống
434	Polyethylen glycol + propylen glycol	Nhỏ mắt
435	Povidon iod	Dùng ngoài
436	Pralidoxim	Tiêm
437	Pravastatin	Uống
438	Praziquantel	Uống
439	Prednisolon acetat	Nhỏ mắt, uống
440	Prednison	Uống
441	Pregabalin	Uống
442	Primaquin	Uống
443	Probenecid	Uống
444	Progesteron	Đặt âm đạo, tiêm, uống, dùng ngoài
445	Promestrien	Đặt âm đạo

446	Promethazin hydroclorid	Dùng ngoài, tiêm
447	Propofol	Tiêm
448	Propranolol hydroclorid	Tiêm, uống
449	Propylthiouracil	Uống
450	Protamin sulfat	Tiêm
451	Prothionamid	Uống
452	Pyrazinamid	Uống
453	Phenazon + lidocain hydroclorid	Nhỏ tai
454	Phenobarbital	Tiêm, uống
455	Phenoxy methylpenicilin	Uống
456	Phenylephrin	Tiêm
457	Phenytoin	Uống
458	Phloroglucinol hydrat + trimethyl phloroglucinol	Tiêm
459	Phytomenadion (Vitamin K1)	Tiêm
460	Quetiapin	Uống
461	Rabeprazol	Tiêm, uống
462	Racecadotril	Uống
463	Raloxifen	Uống
464	Ramipril	Uống
465	Ranitidin	Uống
466	Repaglinid	Uống
467	Rifabutin	Uống
468	Rifampicin	Uống
469	Rifampicin + Isoniazid	Uống
470	Rifampicin + Isoniazid + Pyrazinamid	Uống
471	Rifamycin	Nhỏ tai
472	Rifapentine (Rpt)	Uống
473	Ringer Lactat	Tiêm truyền
474	Risperidon	Uống
475	Rivaroxaban	Uống
476	Rocuronium	Tiêm
477	Ropivacain	Tiêm
478	Rosuvastatin	Uống
479	Rotundin	Uống
480	Roxithromycin	Uống
481	Rupatadin	Uống
482	Saccharomyces boulardii	Uống
483	Salbutamol	Tiêm, uống, đường hô hấp, hít
484	Salbutamol + ipratropium	Khí dung
485	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Dùng ngoài
486	Salmeterol + fluticason propionat	Hít, xịt, khí dung
487	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	Uống
488	Sắt fumarat + acid folic	Uống
489	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	Uống
490	Sắt protein succinylat	Uống

491	Sắt sulfat + acid folic	Uống
492	Sertralin	Uống
493	Sevofluran	Đường hô hấp, khí dung
494	Silymarin	Uống
495	Simethicon	Uống
496	Simvastatin	Uống
497	Sorbitol	Uống, dùng ngoài
498	Sotalol	Uống
499	Spiramycin	Uống
500	Spiramycin + Metronidazol	Uống
501	Spironolacton	Uống
502	Streptomycin	Tiêm
503	Sucralfat	Uống
504	Sufentanil	Tiêm
505	Sugammadex	Tiêm
506	Sulfadiazin bạc	Dùng ngoài
507	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Uống
508	Sulpirid	Uống
509	Sultamicillin	Uống
510	Sumatriptan	Uống
511	Suxamethonium clorid	Tiêm
512	Tacrolimus	Dùng ngoài
513	Tamsulosin	Uống
514	Telmisartan	Uống
515	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	Uống
516	Tenofovir	Uống
517	Tenoxicam	Uống
518	Terbinafin	Dùng ngoài, uống
519	Terbutalin	Tiêm, đường hô hấp
520	Terlipressin	Tiêm
521	Terpin hydrat + Codein	Uống
522	Tetracain	Nhỏ mắt
523	Tetracyclin hydroclorid	Tra mắt, uống
524	Timolol	Nhỏ mắt
525	Tinidazol	Tiêm truyền, uống
526	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	Tiêm truyền
527	Tiotropium	Đường hô hấp
528	Tiropamid	Uống
529	Tobramycin	Nhỏ mắt, tiêm
530	Tobramycin + dexamethason	Nhỏ mắt
531	Tolperison	Uống
532	Topiramat	Uống
533	Than hoạt	Uống
534	Theophylin	Tiêm, uống
535	Thiamazol	Uống
536	Thiocolchicosid	Uống
537	Tramadol	Tiêm

538	Tranexamic acid	Uống, Tiêm
539	Tretinoin	Dùng ngoài
540	Tretinoin + erythromycin	Dùng ngoài
541	Triamcinolon	Tiêm, dùng ngoài
542	Tricalcium phosphat	Uống
543	Trihexyphenidyl	Uống
544	Trimebutin maleat	Uống
545	Trimetazidin	Uống
546	Trolamine	Dùng ngoài
547	Urea	Dùng ngoài
548	Ursodeoxycholic acid	Uống
549	Valproat natri	Tiêm, uống
550	Valproat natri + valproic acid	Uống
551	Valsartan	Uống
552	Valsartan + hydrochlorothiazid	Uống
553	Vancomycin	Tiêm
554	Venlafaxin	Uống
555	Vildagliptin	Uống
556	Vinpocetin	Tiêm, uống
557	Vitamin A	Uống
558	Vitamin A + D2 /Vitamin A + D3	Uống
559	Vitamin B1	Tiêm, uống
560	Vitamin B1 + B6 + B12	Tiêm, uống
561	Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin PP	Uống
562	Vitamin B12 (cyanocobalamin, hydroxocobalamin)	Tiêm, uống
563	Vitamin B6	Tiêm, uống
564	Vitamin B6 + magnesi	Uống
565	Vitamin D3	Uống
566	Vitamin E	Uống
567	Vitamin PP	Uống
568	Xanh methylen + tím gentian	Dùng ngoài
569	Xylometazolin	Nhỏ mũi, xịt mũi
570	Rebamipid	Uống
571	Natri hyaluronat	Nhỏ mắt, tiêm
572	Ethionamid	Uống
573	Isoniazid + ethambutol	Uống
Tổng cộng: 573 mặt hàng		

Ghi chú:

- Thuốc có cách ghi danh pháp khác với cách ghi tên hoạt chất tại Cột (2) và cách ghi này được ghi tại các tài liệu chuyên ngành về dược (như Dược điển, Dược thư Quốc gia và các tài liệu khác) thì vẫn thuộc danh mục (Ví dụ: Paracetamol hay Acetaminophen; Acyclovir hay Aciclovir; Cefuroxime hoặc Cefuroxim; Sodium hay Natri; Hydrochloride hoặc Hydroclorid ...).

- Trường hợp hoạt chất tại Cột (2) không ghi gốc muối thì các thuốc có dạng muối khác nhau của hoạt chất này vẫn thuộc danh mục”.